

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2770** /TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2024

V/v xử lý nợ thuế

Kính gửi: Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị.

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 480/HQQT-NV ngày 14/3/2024 của Cục Hải quan tỉnh Quảng trị về việc Công ty cổ phần gương kính Việt Mỹ đề nghị tạo điều kiện để Công ty được hoạt động kinh doanh trở lại (đính kèm). Vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về hủy khoan nợ

Căn cứ khoản 2 Điều 18 Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ Tài chính quy định: “*Người nộp thuế đã được khoan nợ, xóa nợ mà quay lại sản xuất, kinh doanh, trừ đối tượng được xóa nợ quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 4 của Nghị quyết số 94/2019/QH14*” thuộc các trường hợp phải hủy khoan nợ, xóa nợ.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 20 Thông tư số 69/2020/TT-BTC quy định:

“*Đối với trường hợp hủy khoan nợ, bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận được giao nhiệm vụ xử lý nợ thuộc cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế nợ tiền thuế lập văn bản đề nghị hủy khoan nợ, dự thảo Quyết định hủy khoan nợ theo mẫu số 01/QĐHKN-1 hoặc mẫu số 01/QĐHKN-2 ban hành kèm theo Thông tư này, trình thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế nợ tiền thuế, trong đó nêu rõ lý do, căn cứ đề nghị hủy khoan nợ. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ đề nghị hủy khoan nợ, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế nợ tiền thuế xem xét ban hành Quyết định hủy khoan nợ.*”

Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực*”.

Căn cứ quy định nêu trên, người nộp thuế đã được khoan nợ mà quay lại sản xuất, kinh doanh thuộc các trường hợp phải hủy quyết định khoan nợ nhằm khôi phục lại số tiền thuế nợ để thu hồi đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp cho ngân sách Nhà nước. Thủ tục hủy quyết định khoan nợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Thông tư số 69/2020/TT-BTC.

2. Về hủy xóa nợ

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 20 Thông tư số 69/2020/TT-BTC quy định:

“*b) Đối với trường hợp hủy xóa nợ*

Bộ phận quản lý nợ hoặc bộ phận được phân công xử lý nợ thuộc cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế nợ tiền thuế lập văn bản đề nghị hủy xóa nợ và dự thảo Quyết định hủy xóa nợ, trình thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế nợ tiền thuế.

Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình và hồ sơ đề nghị hủy xóa nợ, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế nợ tiền thuế đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy xóa nợ theo trình tự sau:

Trường hợp quyết định xóa nợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký ban hành thì Cục Thuế hoặc Cục Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người nộp thuế nợ tiền thuế xem xét ban hành Quyết định hủy xóa nợ theo mẫu số 01/QĐHXM-1 hoặc mẫu số 01/QĐHXM-2 ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp quyết định xóa nợ do Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế hoặc Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ ký ban hành thì Cục Thuế hoặc Cục Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan gửi Tổng cục Thuế hoặc Tổng cục Hải quan xem xét hủy xóa nợ theo mẫu số 01/QĐHXM-3 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc gửi Tổng cục Thuế hoặc Tổng cục Hải quan để trình Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ xem xét hủy xóa nợ theo mẫu số 01/QĐHXM-4, mẫu số 01/QĐHXM-5 ban hành kèm theo Thông tư này.”

Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực.”

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp người nộp thuế đã được xóa nợ mà quay lại sản xuất, kinh doanh thuộc các trường hợp phải hủy quyết định xóa nợ nhằm khôi phục lại số tiền thuế nợ để thu hồi đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp cho ngân sách Nhà nước. Trình tự hủy xóa nợ đề nghị đơn vị thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 20 Thông tư số 69/2020/TT-BTC.

3. Về xử lý tiền chậm nộp

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14: “Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp quy định tại khoản 1 Điều này đến ngày liền kề trước ngày số tiền nợ thuế, tiền thu hồi hoàn thuế, tiền thuế tăng thêm, tiền thuế ấn định, tiền thuế chậm chuyển đã nộp vào ngân sách nhà nước.”

Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật áp dụng văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực.”

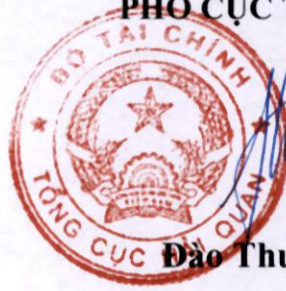
Căn cứ quy định nêu trên, việc tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày phát sinh tiền chậm nộp đến ngày liền kề trước ngày số tiền nợ thuế được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Tổng cục Hải quan trả lời đề Cục Hải quan tỉnh Quảng Trị biết và thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, TXNK-Hòa (3b).

**TL. TỔNGCỤC TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ XNK
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đào Thu Hương